

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/DS-PT.

Ngày: 09-11-2021

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Kim Rết.

*Các thẩm phán:* Bà Hoàng Thị Thu Minh

Ông Đỗ Minh Nhựt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2021 và các quyết định hoãn phiên tòa số 121b ngày 14/8/2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án dân sự số 495 ngày 01/9/2020, Thông báo Quyết định hoãn phiên tòa số 224 ngày 22/9/2021 và số 237 ngày 14/10/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Ấp 2A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp 2A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Giấy ủy quyền ngày 05/7/2021)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y: ông Ngô Văn D- Công ty Luật TNHH MTV B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn có yêu cầu phản tố:** bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1948 (chết ngày 23/5/2019).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ông Nguyễn Văn B:*

1.1. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1950.

1.2. Anh Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1985.

1.3. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1988.

1.4. Anh Nguyễn Thanh Ngh, sinh năm 1992.

1.5. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Bà Võ Thị Đ, Anh Nguyễn Thanh Nh, anh Nguyễn Văn Tr, anh Nguyễn Thanh Ngh và chị Nguyễn Thị Ng: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp 2A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

2. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố 8, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Y, bị đơn Nguyễn Thị D.

Người kháng nghị: Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc.

(Anh H, chị D, chị C, ông D có mặt; bà Ch, bà Th vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*-Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Y là nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của Bà Võ Thị Đ, Anh Nguyễn Thanh Nh, anh Nguyễn Văn Tr, anh Nguyễn Thanh Ngh, chị Nguyễn Thị Ng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông Nguyễn Văn B trình bày :*

Thửa số 466 tờ bản đồ số 4 xã X, huyện X và tài sản gắn liền trên đất là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H (chết ngày 19/02/2018), hiện nay bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C đang quản lý sử dụng.

Nguồn gốc thửa đất này trước đây là của cha bà là ông Nguyễn Văn L (chết năm 2002), bà Nguyễn Thị H sống cùng với ông Nguyễn Văn L nên được quyền sử dụng thửa đất này và bà Nguyễn Thị H đã được Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 932448 cấp ngày 12 tháng 3 năm 2008.

Bà Nguyễn Thị H chết không để lại di chúc. Bà Nguyễn Thị H không có chồng và không có con ruột cũng như con nuôi. Mẹ của bà là bà Nguyễn Thị R đã chết từ năm 1970 tại Campuchia nên không có giấy chứng tử. Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị R có 05 người con gồm ông Nguyễn Văn Ng (chết năm 2006 tại xã Xuân Hiệp), bà, bà Nguyễn Thị H(chết), bà Nguyễn Thị Ch và

Ông Nguyễn Văn B (chết ngày 23/5/2019), ngoài ra ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị R không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Lúc còn sống, bà Nguyễn Thị H có tạo lập tài sản, trong đó có thửa đất số 466 tờ bản đồ số 4 xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc. Sau khi bà Nguyễn Thị H chết, thửa đất này do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C là con của ông Nguyễn Văn Ng quản lý.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà quyền sử dụng thửa đất số 466 tờ bản đồ số 4 xã X, huyện X và tài sản gắn liền trên đất để chị em bà gồm bà, bà Nguyễn Thị Ch và những thừa kế của Ông Nguyễn Văn B chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H theo pháp luật.

Lúc còn sống, bà Nguyễn Thị H mở quán để buôn bán tại thửa đất 466 hiện đang tranh chấp. Thu nhập của bà Nguyễn Thị H rất khá nên có tiền hùn hạp mua đất với anh em nhà bà Nguyễn Thị D, hùn vốn với ông Nguyễn Văn Ph là anh của bà Nguyễn Thị D để làm trại cưa. Sau khi cha chết, thì bà Nguyễn Thị H mới xây dựng nhà trên đất tranh chấp để làm quán bán cơm như hiện nay. Vì vậy, bà Nguyễn Thị H không thể không có tiền mà phải nhận sự chăm sóc của chị em bà Nguyễn Thị D nên bà không đồng ý thanh toán lại tiền chi phí phụng dưỡng và tiền vay xây dựng quán như bà Nguyễn Thị D yêu cầu. Chị em bà chỉ chấp nhận thanh toán lại tiền xây dựng quán là 150.000.000 đồng và tiền lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20.000.000 đồng.

Thời điểm bà **Nguyễn Thị H** chết, anh chị em nhà bà Nguyễn Thị D lo mai táng nhưng bà được biết tiền thu phúng điều đủ cho chi phí mai táng, tuy nhiên bà chấp nhận thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền 25.000.000 đồng để hỗ trợ chi phí mai táng. Đối với số tiền bảo quản di sản thừa kế thì do bà Nguyễn Thị D là người quản lý đất và dùng để kinh doanh nên bà không chấp nhận đối với yêu cầu này của bà Nguyễn Thị D. Ngoài ra bà không yêu cầu hay ý kiến gì khác.

*- Bị đơn bà Nguyễn Thị D có yêu cầu phản tố trình bày:*

Thửa đất số 466 tờ bản đồ số 4 xã X, huyện X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H. Hiện nay bà và bà Nguyễn Thị C là người trực tiếp sử dụng quán để kinh doanh quán cơm. Bà và bà Nguyễn Thị C là người chăm sóc cho bà Nguyễn Thị H nên thửa đất số 466 được bà Nguyễn Thị H cho chị em bà và cho Ông Nguyễn Văn B 5m, sự việc bà Nguyễn Thị H cho đất đều được những người trong họ hàng biết nhưng bà chưa kịp làm thủ tục sang tên thì bà Nguyễn Thị H chết. Do đó, bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y, bà chỉ chấp nhận trả  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị Y nhưng xin được ưu tiên tiếp tục sử dụng đất để làm nơi thờ cúng.

Bà **Nguyễn Thị H** ở cùng, nên chị em bà xây dựng nhà quán làm nơi buôn bán lấy thu nhập để lo chăm sóc, nuôi dưỡng cho bà Nguyễn Thị Hát. Quá trình sử dụng đất, chị em bà và bà **Nguyễn Thị H** có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay của bà **Nguyễn Thị Kim Th** số tiền 350.000.000 đồng. Hiện nay bà và bà **Nguyễn Thị H** còn nợ của bà **Nguyễn Thị Kim Th** số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Vì vậy, bà yêu cầu phía bà Nguyễn Thị Y phải

thanh toán lại chi phí phụng dưỡng của 10 năm là 360.000.000 đồng, chi phí tiền đầu tư xây dựng trên đất hiện nay còn nợ là 300.000.000 đồng và tiền thuế sử dụng đất nộp cho kho bạc nhà nước để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về là 23.795.000 đồng. Khi bà **Nguyễn Thị H** chết, chị em bà là người lo chi phí mai táng, tổng chi phí mai táng là 81.800.000 đồng, thu được tiền phúng điếu, tiền **Ông Nguyễn Văn B** và nhà thờ hỗ trợ là 41.400.000 đồng, số tiền còn lại 40.400.000 đồng là tiền chi phí mai táng chị em bà bỏ ra nên bà yêu cầu phía bà Nguyễn Thị Y phải thanh toán lại số tiền này. Từ khi bà **Nguyễn Thị H** chết, chị em bà quản lý thửa đất số 466 nên bà yêu cầu bà phía bà Nguyễn Thị Y thanh toán tiền chi phí bảo quản mỗi tháng là 1.000.000 đồng, tính từ ngày bà **Nguyễn Thị H** chết đến nay là 35 tháng, với số tiền là 35.000.000 đồng.

Bà yêu cầu phía bà Nguyễn Thị Y thanh toán cho bà các khoản chi đã nêu, bà xin được tiếp tục quản lý đất nên bà sẽ thanh toán giá trị chênh lệch nếu có cho phía bà Nguyễn Thị Y. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị C** trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D. Bà không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Bà không có yêu cầu khởi kiện độc lập mà đứng về quyền lợi của bà Nguyễn Thị D.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Ch** trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Bà không có yêu cầu khởi kiện độc lập mà đứng về quyền lợi của bà Nguyễn Thị Y và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày:*

Ngày 12/6/2016, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị H có mượn của bà số tiền 350.000.000 đồng, có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 932448 do bà Nguyễn Thị H đứng tên. Tháng 6/2017, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C đã trả được số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi bà Nguyễn Thị H chết thì bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C vẫn đóng tiền lãi đầy đủ cho bà. Trong vụ án này, bà không có yêu cầu trả nợ nên không có yêu cầu khởi kiện độc lập và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Tại bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 111, Điều 112, Điều 121, Điều 157, Điều 158, Điều 165 và Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 613, Điều 650, Điều 651, Điều 221, Điều 234, Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y.

Buộc bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C trả lại cho bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông Nguyễn Văn B gồm Bà Võ Thị Đ, Anh Nguyễn Thanh Nh, anh Nguyễn Văn Tr, anh Nguyễn Thanh Ngh và chị Nguyễn Thị Ng phần đất diện tích 373,1m<sup>2</sup> thuộc thửa số 466 tờ bản đồ số 4 xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, được giới hạn bởi các mốc 5, 6, 7, 8 - 5 Bản đồ hiện trạng thửa đất ngày 14/01/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc. Bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ông Nguyễn Văn B gồm Bà Võ Thị Đ, Anh Nguyễn Thanh Nh, anh Nguyễn Văn Tr, anh Nguyễn Thanh Ngh và chị Nguyễn Thị Ng được quyền sở hữu toàn bộ tài sản là công trình xây dựng trên đất.

**2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị D.**

Buộc bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị Ch mỗi người thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền 139.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Buộc Bà Võ Thị Đ, Anh Nguyễn Thanh Nh, anh Nguyễn Văn Tr, anh Nguyễn Thanh Ngh, chị Nguyễn Thị Ng mỗi người thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền 27.800.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 05/02/2021, nguyên đơn bà Y kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận khoản tiền chi phí chăm sóc phụng dưỡng bà Nguyễn Thị H và tiền nợ bà Nguyễn Thị Thành.

- Ngày 03/02/2021, bị đơn bà D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y, bà chỉ chấp nhận thanh toán lại cho bà Y 1/2 giá trị tài sản là di sản thừa kế và xin ưu tiên được giữ lại căn nhà để làm nơi sinh sống, thờ cúng bà Nguyễn Thị H; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà.

- Ngày 04/02/2021, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo hướng sửa một phần bản án về đường lối và cách tuyên.

**- Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:**

Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị Y và các đồng thừa kế phải thanh toán số tiền 72.000.000đ (chi phí chăm sóc và phụng dưỡng bà Nguyễn Thị H), 300.000.000đ (tiền vay của bà Nguyễn Thị Kim Th) cho phía bị đơn là không có cơ sở. Vì số tiền cấp dưỡng không có giấy tờ chứng minh còn số tiền vay là bị đơn bà Nguyễn Thị D vay để mở quán bán thức ăn nên không có cơ sở để chấp nhận hai khoản này. Do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Thừa đất số 466, tờ bản đồ số 4, xã X, huyện X của bà Nguyễn Thị H chết để lại (bút lục 10, 107, 108), hiện thừa đất trên do chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị C (cháu của **bà H**) quản lý sử dụng từ lúc bà H còn sống cho đến nay. Khi bà H chết không để lại di chúc nên bà Nguyễn Thị Y (em bà H) làm đơn khởi kiện yêu cầu chị D, chị C trả lại thừa đất trên, phía bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y vì cho rằng bị đơn là người sống chung phụng dưỡng bà H trên 10 năm đến khi bà H chết, lúc còn sống bà H có nguyện vọng cho chị em bà phần đất nêu trên, chị em bà bỏ công sức chăm sóc bà H và chi phí điều trị xây dựng tài sản trên đất, vay nợ bà Thành chưa trả xong. Khi **bà H** chết phải lo chi phí mai táng. Nay bị đơn chấp nhận trả  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà, đất theo chứng thư thẩm định giá cho bà Y và có yêu cầu phản tố buộc bà Y phải thanh toán cho bà các khoản chi phí nêu trên. Như vậy trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phản tố của bị đơn xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp di sản thừa kế và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp đòi tài sản” để giải quyết vụ án là không đúng.

Theo bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1944 (nguyên đơn) và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1948 (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) trình bày: Do tuổi già nên bị nặng tai nên rất khó khăn trong việc nhận thức, do đó trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm làm việc và xét xử phải có một người thân ngồi bên cạnh phiên dịch lại và nói bà đồng ý thì các bà đồng ý rồi ký vào biên bản. Xét Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, việc có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi để xem xét chỉ định người giám hộ. Như vậy đã vi phạm khoản 1 Điều 23 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 376, 378 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Từ những phân tích trên Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đối với phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y cũng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc. Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng phải hủy án nên kháng cáo và kháng nghị sẽ được xem xét lại ở giai đoạn sơ thẩm.

Từ các lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 03 ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Kim Th đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Thừa đất số 466 (và tài sản trên đất), tờ bản đồ số 4, xã X, huyện X (viết tắt là thửa 466) được UBND huyện Xuân Lộc cấp giấy

CNQSD đất cho bà H. Khi bà H còn sống có chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị C (là cháu gọi bà H bằng dì) cùng ở với bà H tại căn nhà và thửa đất trên. Ngày 19/02/2018 bà H chết không để lại di chúc. Bà Nguyễn Thị Y (em ruột bà H) khởi kiện yêu cầu chị D, chị C phải trả lại thửa đất trên cho bà để bà và các chị em trong nhà (bà Ch, ông B) được hưởng di sản của bà H (bà H không còn cha, mẹ, không có chồng, con). Về phía chị C và chị D không đồng ý yêu cầu của bà Y, vì cho rằng trước khi chết bà H hứa cho các chị một phần thửa đất trên để các chị sinh sống và hiện tại các chị đang thờ cúng bà H; các chị có công chăm sóc phụng dưỡng bà H thời gian dài, ngoài ra bà H còn để lại một khoản nợ chưa thanh toán. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp đòi tài sản” là chưa chính xác mà phải xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp di sản thừa kế” để việc giải quyết vụ án có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ch (là hai chị em ruột) đều không nghe rõ nên không thể trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử và vị đại diện Viện kiểm sát mà phải thông qua người con rể tên Nguyễn Văn H nghe và trả lời thay. Ngoài ra theo nội dung kháng cáo và trình bày của phía bị đơn tại phiên tòa cũng khẳng định, quá trình làm việc và xét xử tại cấp sơ thẩm thì bà Y và bà Ch đều không nghe được, chỉ có anh H là người nghe và trả lời thay cho hai bà Y và Ch.

Như vậy bà Y và bà Ch là người khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ Điều 23 Bộ luật dân sự để yêu cầu bà Y và bà Ch giám định pháp y tâm thần mà vẫn tiến hành tố tụng theo thủ tục thông thường là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[4] Về đường lối giải quyết vụ án: Như đã nhận định ở trên, thửa đất số 466 tờ bản đồ số 4, xã X, huyện X là di sản thừa kế của bà H để lại. Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật dẫn đến việc giải quyết về đường lối thiếu căn cứ và không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự.

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; xác định sai quan hệ pháp luật dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa chính xác. Vì vậy cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc giải quyết lại theo thủ tục chung.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng:

Do bản án bị hủy nên bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đối với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[6] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc về “Tranh chấp đòi lại tài sản” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y với bị đơn Nguyễn Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn B (đã chết 23/5/2019), bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Kim Th.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004737 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND T. Đồng Nai;
- Chi cục THADS H. Xuân Lộc;
- TAND huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Kim Rết**